

## CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên trung tâm: **TRUNG TÂM ANH NGỮ QUỐC TẾ APOLLO (CƠ SỞ 15)**
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính: 181- 183 – 185 Phố Huế, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Địa chỉ hoạt động giáo dục: 60 Đ. Nguyễn Thị Thập, Khu đô thị Him Lam, Phường Tân Hưng, Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 1900 2929 70
- Địa chỉ thư điện tử: [talk2us@apollo.edu.vn](mailto:talk2us@apollo.edu.vn)
- Cổng thông tin điện tử (website): <https://apollo.edu.vn> (Website của Công ty)

### 2. Tên chi nhánh và địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

| STT | Tên chi nhánh                                                               | Địa chỉ hoạt động                                    | Điện thoại       | Địa chỉ thư điện tử                                              | Cổng thông tin điện tử (website)                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Chi nhánh - Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Apollo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh | 58 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh | +84 287 305 5567 | <a href="mailto:talk2us@apollo.edu.vn">talk2us@apollo.edu.vn</a> | <a href="https://apollo.edu.vn">https://apollo.edu.vn</a> |

### 3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư:

- Loại hình cơ sở giáo dục: Cơ sở giáo dục ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài (*Đào tạo tiếng anh ngắn hạn*)
- Chủ sở hữu: Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Apollo Việt Nam
- Quốc gia/ Vùng lãnh thổ: Singapore
- Danh sách tổ chức, cá nhân góp vốn/đầu tư:

| STT | Tên Tổ chức, cá nhân góp vốn                | Số tiền góp vốn/đầu tư | Tỉ lệ % |
|-----|---------------------------------------------|------------------------|---------|
| 1.  | Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Apollo Việt Nam | 1.000.000.000          | 100%    |

### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Mang tiếng Anh vào gần hơn với cuộc sống thông qua các bài học thực tiễn, có tính ứng dụng và khuyến khích các con tìm hiểu về thế giới quanh mình.
- Tầm nhìn: Nuôi dưỡng thế hệ trẻ đầy tự tin đầy tiềm năng trước thế giới không ngừng biến đổi
- Mục tiêu:

Apollo xác lập các mục tiêu cụ thể để đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua các cam kết sau:

- ✓ **Học viên làm chủ kỹ năng tương lai:** Không chỉ học tiếng Anh, học viên còn được phát triển các kỹ năng 4Cs (Critical Thinking - Tư duy phản biện, Collaboration - Sự hợp tác, Creativity - Sự sáng tạo, Communication - Kỹ năng giao tiếp).
- ✓ **Xây dựng nền tảng vững chắc:** Giúp con tự tin nói tiếng Anh và đạt được các chứng chỉ quốc tế (như Cambridge, IELTS) với lộ trình cá nhân hóa "đo ni đóng giày".

- ✓ **Đội ngũ giáo viên tiêu chuẩn quốc tế:** 100% giáo viên nước ngoài có bằng cấp chuyên môn và giàu kinh nghiệm, tâm huyết.
- ✓ **Hệ sinh thái học tập toàn diện:** Kết hợp giữa học trực tiếp tại trung tâm và ứng dụng công nghệ hiện đại (Apollo Active) để tạo ra trải nghiệm học tập xuyên suốt.
- ✓ **Đồng hành cùng phụ huynh:** Cam kết luôn kết nối chặt chẽ với bố mẹ để theo dõi và hỗ trợ sát sao quá trình tiến bộ của mỗi học viên.

## 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Apollo Việt Nam (“Apollo Việt Nam”), thành lập năm 1995, là trung tâm Anh ngữ 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam. Apollo tiên phong trong đào tạo tiếng Anh, hợp tác với Cambridge, Oxford University Press, National Geographic Learning và là đối tác của Đài Truyền hình Việt Nam trong các chương trình giáo dục.
- Apollo không ngừng phát triển, trở thành thành viên duy nhất tại Việt Nam của tổ chức giảng dạy lâu đời International House (2001), hợp tác với Oxford University Press để ra mắt giáo trình Get-Set-Go (2003), và tiên phong triển khai hệ thống đào tạo công dân toàn cầu AGLS cùng National Geographic Learning (2017). Với những đóng góp cho giáo dục, nhà sáng lập Apollo được Bộ GD&ĐT trao Huân chương "Vì sự nghiệp giáo dục" (2006) và được Nữ hoàng Anh phong tước "Thành viên Hoàng Gia" (MBE) (2008).
- Năm 2012, Apollo trở thành đơn vị đầu tiên tại Việt Nam đưa bảng tương tác IWB và công nghệ hiện đại vào lớp học. Năm 2018, trung tâm vinh dự nhận danh hiệu "Tổ chức đào tạo Anh ngữ của năm" tại Education Investor Asia Awards. Đến năm 2022, Apollo mở rộng với hơn 70+ trung tâm trên toàn quốc, đạt Giải thưởng Deloitte - Best Managed Company và Giải thưởng APEA - Thương hiệu truyền cảm hứng.
- Năm 2023, Apollo tiên phong phát triển mô hình Apollo Active, hợp tác với các đối tác giáo dục và công nghệ hàng đầu thế giới như National Geographic Learning, Ooolab, PPM, DLA. Đặc biệt, năm 2024, Apollo lập kỷ lục số lượng học sinh và chất lượng điểm đầu ra trong kỳ thi Cambridge, với gần 90% học sinh đạt điểm tuyệt đối, tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo Anh ngữ tại Việt Nam.
- Tháng 06/2022, Apollo khai trương **Trung tâm Đào tạo Anh ngữ Quốc tế Apollo – Cơ sở 15**, tiếp tục sứ mệnh đào tạo công dân toàn cầu. Cơ sở này áp dụng công nghệ hiện đại và phương pháp giảng dạy tiên tiến, giúp học viên phát triển toàn diện kỹ năng Anh ngữ theo chuẩn quốc tế.

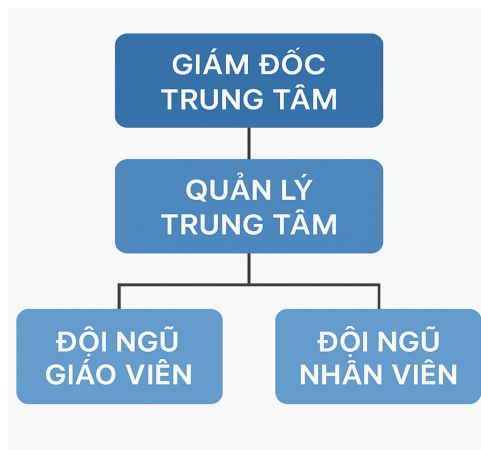
## 6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Người đại diện: Nguyễn Thanh Liên Châu
- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm
- Địa chỉ làm việc: 282 Lê Quang Định, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
- Số điện thoại: 0918 462 717
- Địa chỉ thư điện tử: [chau.nguyen@apollo.edu.vn](mailto:chau.nguyen@apollo.edu.vn)

## 7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có); Quyết định công nhận giám đốc**
  - Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: Quyết định 2733/GDĐT-TC ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh.
  - Quyết định công nhận Giám đốc: Quyết định số 2531/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 07 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;**
  - Quy chế tổ chức và hoạt động: Trung tâm cam kết cung cấp môi trường học tập chất lượng cao, đáp ứng đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các hoạt động giảng dạy, kiểm tra, cấp chứng nhận, quảng cáo, tuyển sinh đều thực hiện minh bạch, đúng pháp luật và quy chuẩn nội bộ.

- Chức năng: Đào tạo tiếng Anh bậc A1 đến C1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) (*quy đổi tương đương các Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3, Bậc 4, Bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*), cho học viên từ 3 đến 17 tuổi. Chương trình được thiết kế theo phương pháp LETS (Learning English Through Subjects), giúp học viên học tiếng Anh thông qua các môn học khác như khoa học và toán học.
- Nhiệm vụ, quyền hạn: Cung cấp các cơ hội học tập cho học viên trong môi trường giảng dạy/học tập chất lượng cao với hệ thống quy chuẩn rõ ràng, xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với trình độ của học viên, bám sát quy định hiện hành của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Sơ đồ tổ chức bộ máy:



- c. **Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);**  
Không có
- d. **Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).**
- Người đại diện: Nguyễn Thanh Liên Châu
  - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm
  - Địa chỉ làm việc: 282 Lê Quang Định, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
  - Số điện thoại: 0918 462 717
  - Địa chỉ thư điện tử: [chau.nguyen@apollo.edu.vn](mailto:chau.nguyen@apollo.edu.vn)
- e. **Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):**  
Trung tâm hoạt động phụ thuộc, do đó các chính sách sẽ tuân theo chính sách chung của toàn công ty và không có các chính sách riêng biệt hay độc lập

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
Ký tên, đóng dấu

**Nguyễn Thanh Liên Châu**

## CÔNG KHAI THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH

**1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

**- Các khoản thu:** 100% học phí

**- Các khoản chi:**

+ Chi tiền lương (*lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...*): **44% tổng doanh thu**

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (*chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...*): **41% tổng doanh thu**

+ Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): Không

+ Chi khác: Không

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học:**

+ Học phí:

**1. Học phí của Chương trình Tiếng Anh trực tiếp bậc A1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR):**

| Thời gian học: 12 giờ/tháng |           |            |            |            |
|-----------------------------|-----------|------------|------------|------------|
| Gói học phí (VNĐ)           | 01 tháng  | 03 tháng   | 06 tháng   | 09 tháng   |
|                             | 2.600.000 | 10.800.000 | 21.600.000 | 32.400.000 |

**2. Học phí của Chương trình Tiếng Anh trực tiếp bậc A1 - B2 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR):**

| Thời gian học: 16 giờ/tháng |           |            |            |            |
|-----------------------------|-----------|------------|------------|------------|
| Gói học phí (VNĐ)           | 01 tháng  | 03 tháng   | 06 tháng   | 09 tháng   |
|                             | 3.600.000 | 14.400.000 | 28.800.000 | 43.200.000 |

**3. Học phí của Chương trình Tiếng Anh trực tiếp bậc B1 - C1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) tương đương IELTS (3.5 – 7+):**

| Thời gian học: 16 giờ/tháng |            |            |
|-----------------------------|------------|------------|
| Gói học phí (VNĐ)           | 6 tháng    | 9 tháng    |
|                             | 36.480.000 | 54.720.000 |

**4. Học phí của Chương trình Tiếng Anh trực tuyến và học chủ động tại nhà<sup>2</sup> bậc A1 - B1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR):**

| Thời gian học: 12 giờ/tháng |           |            |            |            |
|-----------------------------|-----------|------------|------------|------------|
| Gói Học phí (VNĐ)           | 01 tháng  | 03 tháng   | 06 tháng   | 09 tháng   |
|                             | 2.600.000 | 10.350.000 | 20.700.000 | 31.050.000 |

**5. Học phí của Chương trình Tiếng Anh trực tuyến và học chủ động tại nhà<sup>2</sup> bậc B1 - C1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) tương đương IELTS (3.5 – 7+):**

| <b>Thời gian học: 16 giờ/tháng</b> |                 |                 |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Gói Học phí (VNĐ)</b>           | <b>06 tháng</b> | <b>09 tháng</b> |
|                                    | 36.480.000      | 54.720.000      |

+ Lệ phí: 0 VNĐ

+ Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển: 0 VNĐ

**3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:**

+ Giảm 100% học phí cho con ruột nhân viên;

+ Giảm 50% học phí cho cháu ruột nhân viên;

+ Giảm phí ghi danh 3.000.000 VNĐ cho gói 3h/tuần và 4.000.000d cho gói 4h/tuần

**4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):** Không có

**5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:** Không có

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

**Ký tên, đóng dấu**

**Nguyễn Thanh Liên Châu**

**CÔNG KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG**  
**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

a) **Số lượng** giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- **Tổng số giáo viên:** 9 người, trong đó:

+ Trình độ Đại học: 9

✓ Thỉnh giảng: 0 người,

✓ Cơ hữu: 9 người.

- **Tổng số cán bộ quản lý:** 2 người, trong đó:

+ Trình độ Đại học: 2

✓ Thỉnh giảng: 0 người,

✓ Cơ hữu: 2 người.

- **Tổng số nhân viên:** 5 người, trong đó:

+ Trình độ Đại học: 5

✓ Thời vụ: 0 người,

✓ Cơ hữu: 5 người.

b) **Số lượng**, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định:

100% Giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định

c) **Số lượng**, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

100% Giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định

**2. Thông tin về cơ sở vật chất:**

a) Số lượng, diện tích của phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo cơ cấu tổ chức của trung tâm;

– **Tổng số phòng học:** 7 phòng

| STT | Tên phòng   | Số lượng học sinh /phòng | Diện tích/Phòng  |
|-----|-------------|--------------------------|------------------|
| 1   | Phòng học 1 | 8~10 học viên            | 27m <sup>2</sup> |
| 2   | Phòng học 2 | 8~10 học viên            | 27m <sup>2</sup> |
| 3   | Phòng học 3 | 8~10 học viên            | 27m <sup>2</sup> |
| 4   | Phòng học 4 | 8~10 học viên            | 27m <sup>2</sup> |
| 5   | Phòng học 5 | 8~10 học viên            | 27m <sup>2</sup> |
| 6   | Phòng học 6 | 8~10 học viên            | 27m <sup>2</sup> |
| 7   | Phòng học 7 | 8~10 học viên            | 25m <sup>2</sup> |

- Tổng số phòng chức năng: 5 phòng; trong đó:

| STT | Tên phòng               | Số lượng | Diện tích/ | Vị trí (tầng) |
|-----|-------------------------|----------|------------|---------------|
| 1   | Phòng kiểm tra trình độ | 1        | 40m2       | Tầng Trệt     |
| 2   | Phòng giáo viên         | 1        | 34m2       | Tầng 3        |
| 3   | Phòng Giám đốc          | 1        | 6m2        | Tầng Trệt     |
| 4   | Khu Play Zone           | 1        | 49m2       | Tầng Trệt     |
| 5   | Phòng Server            | 1        |            | Tầng 2        |

b) Số lượng thiết bị dạy học hiện có theo quy định danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

| STT | Tên thiết bị, đồ dùng dạy học (được trang bị trong phòng học) | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | BenQ smart TV                                                 | 6        |
| 2   | Bàn học sinh                                                  | 24       |
| 3   | Ghế học sinh/Bàn kết hợp ghế                                  | 96       |
| 4   | Bảng kính trắng                                               | 16       |
| 5   | Ghế học sinh (ghế nhỏ xám)                                    | 164      |
| 6   | Bàn Giáo viên                                                 | 6        |
| 7   | Ghế Giáo viên                                                 | 0        |

### 3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Apollo không tự đánh giá chất lượng, mà được đánh giá bởi Tổ chức “International House World Organization”– một tổ chức mà các thành viên, trong đó có Apollo, phải đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về đào tạo và quản lý chất lượng.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian;

Apollo đã được Tổ chức “International House World Organization” đánh giá từ ngày 30/10 – 5/11/2023. Kết quả cho thấy: Tất cả các tiêu chí thuộc Cam kết với học viên và nhân viên đều được đánh giá là "Đạt yêu cầu" (Met).

c) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng

năm.

Dựa trên kết quả đánh giá từ International House Organization, Apollo đã và đang tổ chức và khuyến khích giáo viên tham gia vào các khóa đào tạo như IH SEN, IHTTC, MA: Education, Delta Module 1, IHCYLT,... Các khóa đào tạo này được tổ chức xuyên suốt năm, các giáo viên được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia nhằm phát triển và gia tăng chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên.

**4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp phải công khai thêm các nội dung sau đây:**

Không có

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
**Ký tên, đóng dấu**

**Nguyễn Thanh Liên Châu**

**CÔNG KHAI**  
**KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học:**

**1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục,**

- Đối tượng tuyển sinh: học viên từ 3 đến 17 tuổi
- Chỉ tiêu: 77 học viên mới và tuyển bổ sung số lượng học viên nghỉ học trong năm
- Phương thức tuyển sinh: Tư vấn trực tiếp tại trung tâm, tư vấn qua điện thoại.
- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: Hằng ngày
- Các thông tin liên quan khác: Không

**1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:**

| STT | Môn dạy   | Số lớp/tuần | Số học viên/ca học | Tổng số lớp/ca học | Số lượng học viên |
|-----|-----------|-------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Tiếng Anh | 63          | 42                 | 9                  | 378               |

**1.3. Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:**

- Danh mục và thông tin các chương trình giáo dục thường xuyên: Giảng dạy theo chương trình đã đăng ký với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

| - | Cấp độ       | Tên tài liệu/sách                     | Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam | Khung năng lực tương đương CEFR Châu Âu | Nhà xuất bản            | Cơ quan phát hành tại Việt Nam                    |
|---|--------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------|
| 1 | Kindergarten | Apollo World Kindergarten 1 (1A - 1B) | Bậc 1                                   | A1                                      | Đại học Quốc gia Hà Nội | Công ty CP Phát hành sách TP Hồ Chí Minh - FAHASA |
|   |              | Apollo World Kindergarten 2 (2A - 2B) | Bậc 1                                   | A1                                      |                         |                                                   |
|   |              | Apollo World Kindergarten 3 (3A - 3B) | Bậc 1                                   | A1                                      |                         |                                                   |
| 2 | Primary      | Apollo World Primary 1 (1A - 1B)      | Bậc 1                                   | A1                                      | Đại học Quốc gia Hà Nội | Công ty CP Phát hành sách TP Hồ Chí Minh - FAHASA |
|   |              | Apollo World Primary 2 (2A - 2B)      | Bậc 1                                   | A1                                      |                         |                                                   |
|   |              | Apollo World                          | Bậc 1                                   | A1                                      |                         |                                                   |

|   |           |                                        |       |    |                                  |                                                                |
|---|-----------|----------------------------------------|-------|----|----------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|   |           | Primary<br>3 (3A - 3B)                 |       |    |                                  |                                                                |
|   |           | Apollo World<br>Primary<br>4 (4A - 4B) | Bậc 1 | A1 |                                  |                                                                |
|   |           | Apollo World<br>Primary<br>5 (5A - 5B) | Bậc 1 | A2 |                                  |                                                                |
|   |           | Apollo World<br>Primary<br>6 (6A - 6B) | Bậc 2 | A2 |                                  |                                                                |
| 3 | Secondary | Impact Starter                         | Bậc 1 | A1 | Cengage<br>Learning              | Công ty CP Phát<br>hành sách TP Hồ<br>Chí Minh -<br>FAHASA     |
|   |           | Impact Foundation                      | Bậc 1 | A2 | Cengage<br>Learning              | Công ty Xuất<br>nhập khẩu và<br>Phát triển Văn<br>hóa (CDIMEX) |
|   |           | Impact 1                               | Bậc 2 | A2 |                                  |                                                                |
|   |           | Impact 2                               | Bậc 3 | B1 |                                  |                                                                |
|   |           | Impact 3                               | Bậc 3 | B2 | Cengage<br>Learning              | Công ty Xuất<br>nhập khẩu và Phát<br>triển Văn hóa<br>(CDIMEX) |
| 4 | IELTS     | Mindset for IELTS<br>Foundation        | Bậc 3 | B1 | Cambridge<br>University<br>Press | Công ty CP Phát<br>hành sách TP Hồ<br>Chí Minh -<br>FAHASA     |
|   |           | Perspectives<br>Intermediate           | Bậc 3 | B1 | Cengage<br>Learning              | Công ty Xuất<br>nhập khẩu và<br>Phát triển Văn<br>hóa (CDIMEX) |
|   |           | Perspectives<br>Upper-<br>Intermediate | Bậc 3 | B1 |                                  |                                                                |
|   |           | Complete IELTS<br>4.0 – 5.0            | Bậc 3 | B1 | Cambridge<br>University<br>Press | Công ty CP Phát<br>hành sách TP Hồ<br>Chí Minh -<br>FAHASA     |
|   |           | Mindset for IELTS<br>1                 | Bậc 4 | B2 |                                  |                                                                |
|   |           | Mindset for IELTS<br>2                 | Bậc 4 | B2 |                                  |                                                                |
|   |           | Mindset for IELTS<br>3                 | Bậc 5 | C1 |                                  |                                                                |

- Danh mục các chương trình liên kết đào tạo trình độ chương trình giáo dục thường xuyên: không có

#### 1.4. Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi:

Gửi các báo cáo học tập qua ứng dụng Apollo Active App.

- Báo cáo các vấn đề phát sinh hằng ngày đến phụ huynh, hỗ trợ nhắc nhở học viên khi cần.
- Liên hệ trực tiếp với Phụ huynh thông báo tình hình học tập giữa khóa và cuối khóa cũng như khi phát sinh bất cứ vấn đề cần trao đổi từ giáo viên/trung tâm.
- Hợp phụ huynh cuối khóa với sự tham gia của giáo viên, nhân viên chăm sóc khách hàng, nhân viên học vụ và trợ giảng của lớp.
- Hợp phụ huynh đột xuất khi có yêu cầu từ giáo viên/trung tâm hoặc phụ huynh.

**1.5. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục:**

- Apollo dự kiến tổ chức các cuộc thi để tạo sân chơi cho học viên.
- Các câu lạc bộ Ngữ pháp & Bài tập về nhà hằng tuần.

**2. Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục trong năm học trước (năm 2025):**

- a) **Kết quả tuyển sinh trong năm học trước (2025):** 301 học viên
- b) **Tổng số học viên theo từng khóa học thuộc các chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình liên kết đào tạo, số lượng học viên nam/ học viên nữ, học viên là người dân tộc thiểu số, học viên khuyết tật tại thời điểm báo cáo (31/12/2025):**

| Chỉ tiêu                   | Số lượng HS | Học sinh nữ | Người Việt Nam | Người dân tộc Kinh | Khuyết tật |
|----------------------------|-------------|-------------|----------------|--------------------|------------|
| <b>Tổng số</b>             | <b>301</b>  | <b>162</b>  | <b>301</b>     | <b>301</b>         | <b>0</b>   |
| Tiếng Anh trình độ A1      | 49          | 26          | 49             | 49                 | 0          |
| Tiếng Anh trình độ A1 – B2 | 182         | 95          | 182            | 182                | 0          |
| Tiếng Anh trình độ B1 – C1 | 70          | 41          | 70             | 70                 | 0          |

- a) **Đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông:** Không có

**3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp phải công khai thêm nội dung:** Không có

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
**Ký tên, đóng dấu**

**Nguyễn Thanh Liên Châu**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM ANH NGỮ  
QUỐC TẾ APOLLO (CƠ SỞ 15)

DANH SÁCH NHÂN VIÊN

| Mã trung tâm: TTNN.TH-0004.15 |                        |            |           |           |              |            |                                                                    |                                        |                           |                  |                     |
|-------------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------------|---------------------|
| STT                           | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Quốc tịch | CCCD         | Ngày cấp   | Nơi cấp                                                            | Chức vụ                                | Hợp đồng lao động         | Ngày ký hợp đồng | Trình độ chuyên môn |
| 1                             | Nguyễn Thanh Liên Châu | 01/07/1975 | Nữ        | Việt Nam  | 056175000107 | 26/12/2017 | Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư | Giám đốc trung tâm                     | HCM/ALC2014-NTLC          | 27/11/2014       | Đại học             |
| 2                             | Huỳnh Thị Diễm Phương  | 17/09/1998 | Nữ        | Việt Nam  | 075198017905 | 05/09/2023 | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội                  | Chuyên viên tư vấn giáo dục            | HR-CT-AP-HCM/FT/2024/6790 | 01/01/2024       | Đại học             |
| 3                             | Huỳnh Nhật Phụng       | 18/03/2000 | Nữ        | Việt Nam  | 077300007749 | 05/03/2025 | Bộ Công An                                                         | Nhân viên điều phối lịch cụm trung tâm | HR-CT-AP-HCM/FT/2024/8423 | 22/07/2024       | Đại học             |
| 4                             | Trương Linh Thy        | 18/03/1989 | Nữ        | Việt Nam  | 054189000070 | 22/11/2021 | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội                  | Giám đốc cụm trung tâm                 | HR-CT-AP-HCM/FT/2021/0291 | 01/12/2021       | Đại học             |
| 5                             | Hoàng Ngọc Thảo Ngân   | 07/01/1999 | Nữ        | Việt Nam  | 070199003572 | 15/05/2023 | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội                  | Nhân viên Tư vấn giáo dục              | HR-CT-AP-HCM/FT/2025/1207 | 22/07/2025       | Đại học             |
| 6                             | Đoàn Tổng Anh Kiệt     | 28/09/2001 | Nam       | Việt Nam  | 066201018969 | 08/07/2021 | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội                  | Nhân viên điều phối vận hành           | HR-CT-AP-HCM/FT/2025/1913 | 15/10/2025       | Đại học             |

|   |               |            |     |          |              |            |                                                   |                           |                           |            |         |
|---|---------------|------------|-----|----------|--------------|------------|---------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------|---------|
| 7 | Lý Trường Huy | 09/10/2001 | Nam | Việt Nam | 079201003670 | 22/12/2021 | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Nhân viên Tư vấn giáo dục | HR-CT-AP-HCM/FT/2025/1311 | 06/08/2025 | Đại học |
|---|---------------|------------|-----|----------|--------------|------------|---------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------|---------|

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
**Ký tên, đóng dấu**

**Nguyễn Thanh Liên Châu**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM ANH NGỮ  
QUỐC TẾ APOLLO (CƠ SỞ 15)

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN**

| Mã trung tâm: TTNN.TH-0004.15 |                               |            |           |             |                     |                     |                                                             |                   |                                                                                           |                      |
|-------------------------------|-------------------------------|------------|-----------|-------------|---------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| STT                           | Họ và tên                     | Ngày sinh  | Giới tính | Quốc tịch   | Vị trí việc làm     | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo                                        | CC năng lực n.ngữ | CC đ.tạo dạy n.ngữ phù hợp                                                                | Khung năng lực n.ngữ |
| 1                             | April Charise Grino Aguilar   | 27/04/1986 | Nam       | Philippines | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Điều dưỡng                                          |                   | TESOL                                                                                     |                      |
| 2                             | Cindy Claire Hinunangan Avila | 08/08/1997 | Nữ        | Philippines | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Khoa học xã hội chuyên ngành Ngôn ngữ Anh           |                   | TESOL                                                                                     | EF SET C2            |
| 3                             | Marvin Viet Vu                | 16/11/1999 | Nam       | Hoa Kỳ      | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Khoa học xã hội - Chuyên ngành nghiên cứu Châu A    |                   | CELTA                                                                                     | Native Speaker       |
| 4                             | Jade Darryn Bok               | 26/03/1999 | Nam       | Namibia     | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Quản trị Kinh doanh (Quản lý Kinh doanh Hàng không) |                   | Chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL /TESOL 120 giờ                                         |                      |
| 5                             | Mercedes Renee Young          | 10/06/1989 | Nữ        | Hoa Kỳ      | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Nghệ thuật                                          |                   | TEFL                                                                                      |                      |
| 6                             | Jean-Sébastien Brassard       | 28/10/1972 | Nam       | Canada      | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Khoa học Xã hội chuyên ngành Dịch thuật             |                   | Chứng chỉ dạy tiếng Anh cho Người nói các Ngôn ngữ khác                                   |                      |
| 7                             | Hocine Yanis Bouguerouche     | 31/10/1992 | Nam       | Pháp        | Giáo viên tiếng Anh | Đại học             | Cử nhân Ngôn ngữ Anh                                        |                   | Chứng chỉ tiếng Anh Cambridge bậc 5 Dạy tiếng Anh cho người nói các ngôn ngữ khác (CELTA) |                      |

|   |                      |            |     |    |                     |         |                         |  |                                                                                                                   |  |
|---|----------------------|------------|-----|----|---------------------|---------|-------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 8 | Erin Leigh Badger    | 06/06/1984 | Nữ  | Mỹ | Giáo viên tiếng Anh | Thạc sĩ | Thạc sĩ Công tác xã hội |  | Chứng chỉ giảng dạy tiếng anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL) và giảng dạy tiếng anh như một Ngoại ngữ (TEFL) |  |
| 9 | Ryan Douglas Willard | 15/02/1993 | Nam | Mỹ | Giáo viên tiếng Anh | Đại học | Cử nhân Khoa học        |  | TESOL                                                                                                             |  |

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
**Ký tên, đóng dấu**

**Nguyễn Thanh Liên Châu**